

Bản tin Phân tích kỹ thuật

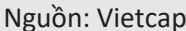
15/04/2026

Vietcap 



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570



Nhận định:

- 4111G4000 dao động trong biên độ hẹp sau khi mở cửa tăng điểm. Hợp đồng đóng cửa trên đường MA20, xác suất nghiêng về phía tiếp tục tăng giá. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua trên 4111G4000 với mục tiêu là vùng 1.975 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.957 điểm (MA20).

Chiến lược:

- Mua (B): 1.960 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.975 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.957 điểm

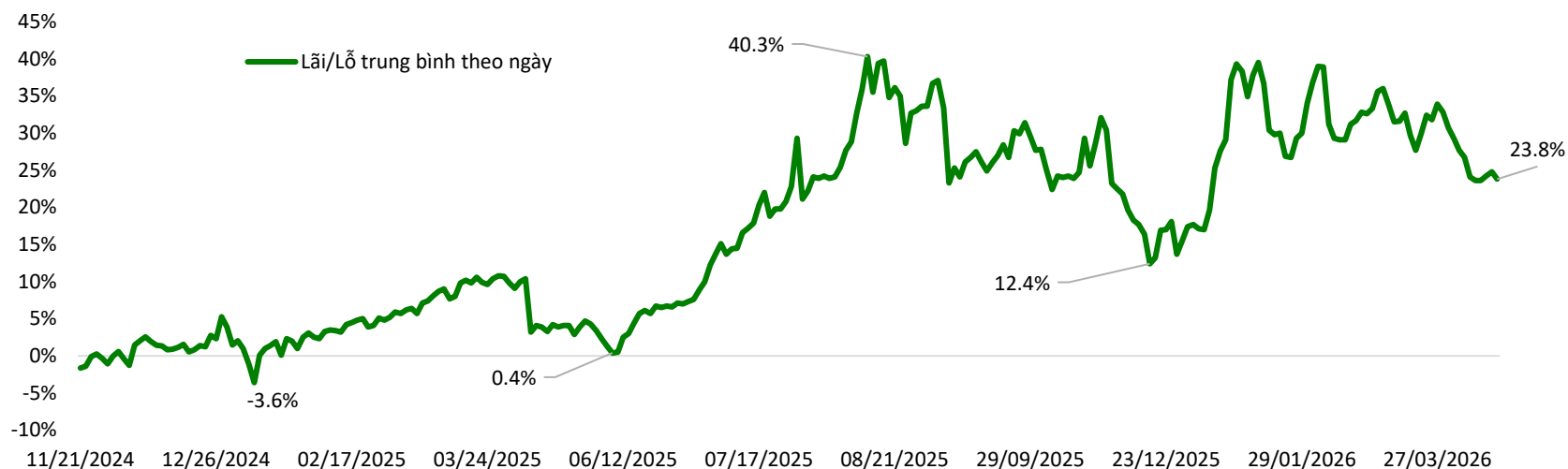
Quan điểm kỹ thuật



- Về hoạt động giao dịch, lực cầu cải thiện tại nhóm Hàng không, Bất động sản và Chứng khoán, dù mức độ lan tỏa ở Bất động sản và Chứng khoán còn hạn chế. Ở chiều ngược lại, áp lực bán giá cao xuất hiện rõ hơn tại nhóm Xây dựng & Vật liệu và DV Tiện ích, trong khi phần lớn các nhóm ngành còn lại chỉ chịu tác động ở mức thấp.
- VN-Index tiếp cận vùng 1.800 điểm và vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhóm Vingroup. Tuy nhiên, tại nhóm Ngân hàng, áp lực bán ở vùng giá cao trong phiên 15/04 vẫn ở mức thấp sau khi lực mua đã cải thiện trên diện rộng ở phiên trước. Tín hiệu này cho thấy nhóm Ngân hàng vẫn đủ điều kiện đóng vai trò dẫn dắt trong các phiên tiếp theo.
- Về mặt kỹ thuật, đà tăng của VN-Index vẫn được duy trì với mục tiêu gần tại vùng 1.825 điểm. Hỗ trợ gần hiện tại nằm trong vùng 1.765–1.775 điểm. Nếu chỉ số điều chỉnh, lực mua nhiều khả năng sẽ quay lại rõ hơn tại nhóm Ngân hàng, Bán lẻ và Tiêu dùng quanh vùng hỗ trợ. Ngoài ra, các nhóm này cũng có thể đóng vai trò cân bằng ảnh hưởng từ nhóm Vingroup trong các phiên tới.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	82,200	81,900	0.4%	79,000	92,000		
MBB	15/04/2026		Đang mở	26,600	26,600	0.0%	26,000	28,600		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	177,000	6.95%	15.38%	1,363,967	18.900	1,468	9.3	120.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	137,000	6.28%	11.38%	562,715	7.052	10,200	2.4	13.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	84,000	5.00%	-1.18%	150,637	1.502	615	4.1	136.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	178,200	6.83%	5.13%	105,425	1.437	3,728	4.3	47.8	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VCB	59,900	1.01%	-0.50%	500,505	1.010	4,210	2.2	14.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	28,050	-1.75%	0.18%	215,297	-0.752	2,013	1.7	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	64,300	-2.72%	-2.58%	121,219	-0.658	3,150	2.0	20.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	80,000	-1.96%	-2.32%	117,474	-0.459	4,775	3.6	16.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	75,100	-1.44%	-5.06%	127,933	-0.368	5,515	3.5	13.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HOV	22,900	2.46%	0.88%	71,253	0.350	2,908	12.0	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHB	15,400	1.99%	0.65%	77,817	0.308	2,594	1.1	5.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VNM	61,300	-1.13%	-2.08%	128,114	-0.288	4,503	4.2	13.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCK	36,100	-1.63%	-4.75%	87,901	-0.287	1,791	2.9	20.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TCB	31,850	-0.62%	3.75%	225,697	-0.281	3,577	1.3	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SAB	46,150	2.21%	1.65%	59,190	0.261	3,449	2.8	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	165,000	4.70%	4.56%	33,000	0.238	9,851	6.4	16.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
KSF	84,000	1.33%	0.72%	75,582	0.154	17,930	4.4	4.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HUT	16,800	-1.18%	0.00%	17,947	-0.032	514	1.7	32.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	11,200	-0.88%	1.82%	21,556	-0.029	0	1.6	190,203.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVI	77,400	-1.02%	-1.40%	18,130	-0.029	4,709	2.2	16.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIF	16,200	-2.41%	-1.82%	5,670	-0.021	933	1.1	17.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CDN	30,900	3.69%	0.98%	3,059	0.017	3,721	1.5	8.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SHS	18,200	0.55%	-2.15%	16,370	0.014	1,500	1.3	12.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PGS	51,700	3.40%	-2.08%	2,585	0.014	2,300	2.5	22.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCG	66,200	1.53%	4.91%	5,627	0.013	3,801	3.4	17.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

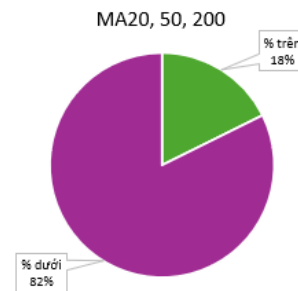
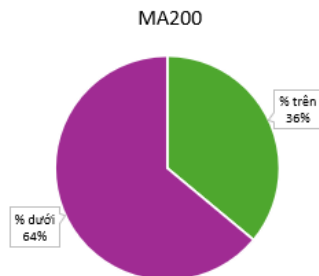
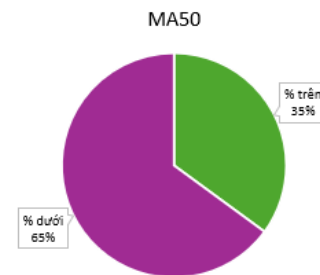
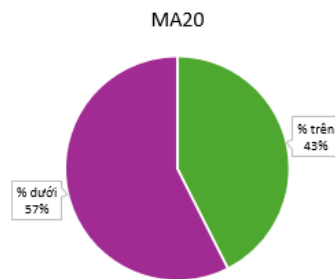
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	94,300	-2.68%	0.11%	289,326	-1.081	3,056	7.1	31.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	46,700	0.65%	-0.43%	167,287	0.151	3,019	2.4	15.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	51,600	-1.53%	-0.77%	62,500	-0.133	1,622	4.4	32.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	81,000	-1.22%	-4.14%	60,287	-0.102	4,627	5.5	17.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEF	111,600	3.33%	0.90%	18,253	0.085	92,449	2.7	1.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	46,100	-1.07%	-2.33%	50,448	-0.075	10	4.1	4,465.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCV	176,000	10.34%	7.98%	4,807	0.069	3,750	6.2	41.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PAP	26,000	4.84%	0.00%	9,282	0.063	-2,071	4.8	-12.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VUA	14,100	-14.55%	-18.50%	2,820	-0.057	47	10.4	299.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PHP	34,700	3.27%	3.58%	11,299	0.052	2,518	1.9	13.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
DVM	8,200	6.5%	11.1	3.8	5,000	7,700	0.5	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
TNT	9,080	6.9%	15.6	1.1	4,600	11,100	0.8	33.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực	
TLG	52,900	5.8%	69.5	10.2	37,948	58,800	2.0	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DSH	15,300	6.3%	8.6	4.7	9,878	17,900	0.8	1.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			15/04/2026	14/04/2026	13/04/2026	10/04/2026	09/04/2026	08/04/2026	07/04/2026	06/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	32%	33%	35%	33%	32%	33%	27%	26%
		Dưới	68%	67%	65%	67%	68%	67%	73%	74%
	MA50	Trên	40%	39%	38%	38%	36%	34%	20%	19%
		Dưới	60%	61%	62%	62%	64%	66%	80%	81%
	MA20	Trên	61%	61%	59%	60%	57%	59%	30%	30%
		Dưới	39%	39%	41%	40%	43%	41%	70%	70%
VN30	MA200	Trên	47%	43%	47%	47%	43%	50%	30%	33%
		Dưới	53%	57%	53%	53%	57%	50%	70%	67%
	MA50	Trên	50%	40%	40%	43%	43%	43%	7%	7%
		Dưới	50%	60%	60%	57%	57%	57%	93%	93%
	MA20	Trên	83%	90%	87%	87%	87%	90%	33%	30%
		Dưới	17%	10%	13%	13%	13%	10%	67%	70%
HNX	MA200	Trên	37%	38%	38%	39%	38%	38%	35%	36%
		Dưới	63%	62%	62%	61%	62%	62%	65%	64%
	MA50	Trên	37%	41%	41%	39%	38%	40%	35%	32%
		Dưới	63%	59%	59%	61%	62%	60%	65%	68%
	MA20	Trên	37%	38%	38%	39%	38%	38%	35%	36%
		Dưới	63%	62%	62%	61%	62%	62%	65%	64%
UPCOM	MA200	Trên	34%	34%	35%	34%	33%	35%	30%	32%
		Dưới	66%	66%	65%	66%	67%	65%	70%	68%
	MA50	Trên	33%	33%	33%	33%	32%	32%	31%	32%
		Dưới	67%	67%	67%	67%	68%	68%	69%	68%
	MA20	Trên	37%	38%	38%	38%	37%	38%	37%	38%
		Dưới	63%	62%	62%	62%	63%	62%	63%	62%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 4										Tháng 3									
		15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19
1	Bất động sản	67	64	60	63	62	57	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31
2	Xây dựng và Vật liệu	64	63	58	62	59	52	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39
3	Tài nguyên Cơ bản	61	54	51	58	57	52	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51
4	Ngân hàng	57	56	53	57	57	50	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36
5	Bán lẻ	57	58	55	62	62	55	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44
6	Dịch vụ tài chính	55	54	50	53	56	49	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33
7	Thực phẩm và đồ uống	53	51	52	55	54	50	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36
8	Điện, nước & xăng dầu	52	52	53	53	53	54	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63
9	Ô tô và phụ tùng	52	53	53	52	51	49	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37
10	Du lịch và Giải trí	50	45	44	45	47	46	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21
11	Hàng cá nhân & Gia đình	49	51	45	47	51	42	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51
12	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48	49	49	52	53	50	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47
13	Bảo hiểm	42	44	42	50	55	55	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31
14	Hóa chất	42	41	42	43	42	38	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54
15	Dầu khí	38	41	42	39	39	40	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66
16	Công nghệ Thông tin	26	27	23	26	30	21	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	177,000	6.9%	15.4%	1,363,967	9.3	120.6	1,468	1,149.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	137,000	6.3%	11.4%	562,715	2.4	13.4	10,200	880.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	17,500	2.3%	11.1%	39,104	0.9	19.8	884	653.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	26,850	3.5%	5.7%	28,997	2.0	18.5	1,454	894.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	58,800	0.9%	1.4%	18,819	3.6	48.2	1,221	36.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VBB	13,500	-0.7%	15.4%	14,962	1.2	9.5	1,457	7.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	61,000	0.0%	3.0%	13,692	1.4	9.7	6,319	36.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	36,300	1.5%	2.4%	11,036	2.7	82.6	440	150.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DSE	23,900	0.0%	-1.4%	10,235	2.4	31.2	766	9.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	52,900	5.8%	5.0%	5,106	2.0	11.3	4,669	69.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	124,900	3.1%	28.6%	2,688	4.1	8.4	14,919	15.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CDC	26,300	6.0%	15.4%	1,388	2.4	76.4	344	40.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	13,000	0.8%	0.0%	950	1.4	6.0	2,150	9.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PSD	18,200	7.1%	6.4%	943	1.3	6.6	2,761	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
NRC	6,300	8.6%	8.6%	583	0.6	66.2	95	12.0	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSH	15,300	6.3%	6.3%	525	0.8	1.0	14,731	8.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TNT	9,080	6.9%	3.4%	463	0.8	33.8	268	15.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
DVM	8,200	6.5%	15.5%	386	0.5	9.7	849	11.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HPG	28,050	-1.8%	0.2%	215,297	1.7	13.9	2,013	841.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	47,700	-0.6%	0.4%	142,493	3.0	12.5	3,824	47.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DCL	37,150	-6.9%	-20.3%	2,713	1.8	139.0	267	45.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	9,190	-0.1%	-1.8%	981	1.2	12.3	748	40.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	75,100	-1.4%	-5.1%	127,933	3.5	13.6	5,515	761.3	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	39,800	-0.9%	-1.7%	50,570	1.9	18.9	2,106	114.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KDC	48,450	-0.8%	-0.7%	14,041	2.0	26.9	1,803	18.9	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HAH	54,400	-1.1%	-3.5%	10,110	2.2	7.6	7,153	35.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
LAS	16,700	-1.8%	0.0%	1,885	1.3	11.5	1,455	8.9	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	140,000	0.0%	-0.8%	181,225	10.0	25.4	5,514	44.7	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,700	0.3%	1.3%	19,792	1.3	10.7	3,616	133.8	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GEG	15,350	-0.6%	-1.6%	5,500	1.3	9.2	1,678	14.4	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PAC	24,000	-2.4%	-2.8%	1,673	1.6	14.2	1,688	15.3	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPX	28,850	0.2%	-1.0%	54,094	1.6	12.6	2,298	49.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	71,800	-0.6%	-4.0%	12,417	7.0	21.8	3,291	28.5	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
FTS	27,750	-0.7%	-5.5%	9,615	2.2	23.9	1,161	17.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CTS	27,800	-0.9%	-4.3%	5,913	2.1	10.2	2,715	21.6	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VC3	26,500	0.4%	-0.7%	3,668	2.5	36.3	730	42.6	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NTL	16,050	0.0%	-1.5%	1,958	1.2	112.3	143	6.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VFS	13,200	-1.5%	-0.8%	1,848	1.1	12.4	1,064	12.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	22,750	-0.4%	-1.3%	1,433	0.9	9.7	2,337	8.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	79,200	-0.1%	-0.9%	191,106	2.9	16.7	4,730	82.6	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,600	-0.73%	-0.73%	25,500	87.5%	357	1.1	38.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	54,600	-3.02%	-1.97%	91,200	67.0%	7,965	1.4	6.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KDH	26,550	1.34%	1.53%	43,700	64.6%	936	1.6	28.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	28,950	-0.69%	-1.36%	45,800	58.2%	1,805	1.1	16.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	75,100	-1.44%	-5.06%	116,600	55.3%	5,515	3.5	13.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	38,700	0.26%	1.31%	58,100	50.1%	3,616	1.3	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SZC	28,900	0.00%	0.87%	42,400	46.7%	1,916	1.6	15.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	15,850	0.32%	0.00%	23,100	45.7%	1,708	0.8	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	21,350	-2.29%	-2.95%	30,800	44.3%	2,208	1.2	9.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
SSI	28,700	0.00%	-2.38%	40,800	42.2%	1,957	2.2	14.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,350	0.00%	-0.91%	38,000	38.9%	3,024	1.3	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	46,200	-2.01%	0.65%	64,100	38.7%	3,130	2.4	14.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	23,500	-0.84%	2.17%	31,900	35.7%	334	1.5	70.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	40,000	-2.56%	2.04%	54,000	35.0%	1,638	2.0	24.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACG	33,950	1.04%	-0.15%	45,800	34.9%	3,342	1.2	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,650	0.11%	1.39%	58,700	34.5%	4,506	1.6	9.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	23,800	-0.83%	-1.24%	32,000	34.5%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MBB	26,600	-0.37%	0.00%	35,000	31.6%	3,325	1.6	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	77,200	-0.52%	-0.64%	101,200	31.1%	2,710	3.2	28.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HDC	18,850	-0.26%	-0.26%	24,600	30.5%	3,199	1.3	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn